

Số: 81 /TB-QBVR

Điện Biên, ngày 01 tháng 3 năm 2023

THÔNG BÁO

Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2023 cho chủ rừng là tổ chức và diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê giao UBND các xã, thị trấn quản lý trên địa bàn huyện Mường Chà

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt Kế hoạch thu, chi dịch vụ môi trường rừng và dự toán chi quản lý năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên;

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thông báo Kế hoạch thu, chi năm 2023 cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Căn cứ vào diện tích rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng, số tiền dự kiến chi trả DVMTR năm 2023 theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

(có phụ biểu chi tiết kế hoạch thu, chi 01, 02 kèm theo)

Đề nghị Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà xây dựng Kế hoạch thu, chi theo Quy định tại Khoản 3, Điều 70 Nghị định 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Đề nghị đồn biên phòng Mường Mươn; UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Mường Chà xây dựng phương án sử dụng tiền DVMTR theo Quy định tại Khoản 4 điều 70 Nghị định 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và Hướng dẫn số 1113/HDLN-SNNPTNT-STC ngày 11/6/2020 của liên ngành Sở Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn - Sở Tài Chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền DVMTR đối với UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thông báo đề Ban quản lý rừng phòng hộ, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Mường Chà xây dựng kế hoạch thu, chi theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Giám đốc Quỹ (b/c);
- Ban QLRP huyện Mường Chà;
- Đồn biên phòng Mường Mươn;
- UBND các xã, thị trấn huyện Mường Chà;
- Lưu: VT, KH-KT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Xuân Tâm

BIỂU CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHI

(Kèm theo Thông báo số 81 /TB-QBVR ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

STT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá dự kiến (đ/ha)	Số tiền dự kiến chi trả (đồng)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]
I	Lưu vực Sông Đà	14.479,29	14.465,822		8.113.259.351
1	Ban QLRRPH huyện Mường Chà	7.303,76	7.292,622	560.857	4.090.119.015
2	UBND xã Mường Mươn	333,74	333,740	560.857	187.180.457
3	UBND xã Na Sang	381,48	381,480	560.857	213.955.776
4	UBND thị trấn Mường Chà	204,60	204,600	560.857	114.751.368
5	UBND xã Ma Thi Hồ	860,49	860,167	560.857	482.430.791
6	UBND xã Sa Lông	911,87	910,389	560.857	510.598.158
7	UBND xã Huổi Lèng	1.109,34	1.109,323	560.857	622.171.710
8	UBND xã Mường Tùng	1.689,60	1.689,600	560.857	947.624.200
9	UBND xã Sá Tổng	831,93	831,421	560.857	466.308.392
10	UBND xã Pa Ham	93,99	93,990	560.857	52.714.961
11	UBND xã Nậm Nèn	205,71	205,710	560.857	115.373.919
12	UBND xã Huổi Mí	460,38	460,380	560.857	258.207.404
13	UBND xã Hừa Ngải	73,53	73,530	560.857	41.239.824
14	Đồn biên phòng Mường Mươn	18,87	18,87	560.857	10.583.374
II	Lưu vực nhà máy thủy điện Trung Thu	7.085,01	7.082,811		378.927.505
1	Ban QLRRPH huyện Mường Chà	4.064,32	4.064,320	53.500	217.439.465
2	UBND xã Mường Mươn	240,38	240,380	53.500	12.860.232
3	UBND xã Na Sang	221,49	221,490	53.500	11.849.625

STT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá dự kiến (đ/ha)	Số tiền dự kiến chi trả (đồng)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]
4	UBND Thị trấn Mường Chà	184,06	184,060	53.500	9.847.135
5	UBND xã Ma Thi Hồ	736,00	735,657	53.500	39.357.350
6	UBND xã Sa Lông	842,08	840,599	53.500	44.971.704
7	UBND xã Sá Tổng	81,03	81,030	53.500	4.335.072
8	UBND xã Pa Ham	80,69	80,315	53.500	4.296.820
9	UBND xã Nậm Nèn	194,35	194,350	53.500	10.397.646
10	UBND xã Huổi Mí	353,25	353,250	53.500	18.898.731
11	UBND xã Hừa Ngải	68,49	68,490	53.500	3.664.187
12	Đồn biên phòng Mường Mươn	18,87	18,87	53.500	1.009.537
III	Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm Múc	2.576,64	2.576,297		312.417.188
1	UBND xã Mường Mươn	240,38	240,380	121.266	29.149.917
2	UBND xã Na Sang	221,49	221,490	121.266	26.859.203
3	UBND thị trấn Mường Chà	184,06	184,060	121.266	22.320.217
4	UBND xã Ma Thi Hồ	736,00	735,657	121.266	89.210.169
5	UBND xã Sa Lông	775,85	775,850	121.266	94.084.213
6	UBND xã Nậm Nèn	57,05	57,050	121.266	6.918.224
7	UBND xã Huổi Mí	342,94	342,940	121.266	41.586.956
8	Đồn biên phòng Mường Mươn	18,87	18,87	121.266	2.288.289
IV	Lưu vực nhà máy thủy điện Long Tạo	2.923,60	2.923,277		412.635.735
1	UBND xã Mường Mươn	335,08	335,080	141.155	47.298.283
2	UBND xã Na Sang	394,03	394,030	141.155	55.619.381
3	UBND thị trấn Mường Chà	206,17	206,170	141.155	29.101.967



STT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá dự kiến (đ/ha)	Số tiền dự kiến chi trả (đồng)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]
4	UBND xã Ma Thi Hồ	827,56	827,237	141.155	116.768.800
5	UBND xã Sa Lông	869,27	869,270	141.155	122.701.976
6	UBND xã Huổi Mí	272,62	272,620	141.155	38.481.729
7	Đồn biên phòng Mường Mươn	18,87	18,87	141.155	2.663.599
V	Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm He	3.906,14	3.906,140		408.481.863
1	Ban QLRPH huyện Mường Chà	2.912,67	2.912,670	104.574	304.590.431
2	UBND xã Ma Thi Hồ	20,96	20,960	104.574	2.191.877
3	UBND xã Huổi Lèng	136,77	136,770	104.574	14.302.627
4	UBND xã Mường Tùng	835,74	835,740	104.574	87.396.927
VI	Lưu vực nhà máy nước thị trấn Mường Chà	8,54	8,540		741.640
1	UBND thị trấn Mường Chà	8,54	8,540	86.843	741.640
Tổng cộng		14.479,29	14.465,822		9.626.463.281



1/10

BIỂU CHI TIẾT KẾ HOẠCH THU

(Kèm theo Thông báo số 81 /TB-QBVR ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

TT	Bên sử dụng DVMTR	Đơn vị	Sản lượng/ doanh thu	Mức chi trả	Thành tiền (đồng)	Số tiền lãi (đồng)	Tổng tiền (đồng)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]	[8=6+7]
1	Công ty thủy Điện Sơn La	KWh	2.550.221.798	36	91.807.984.737	1.260.061.877	93.068.046.614
2	Công ty thủy Điện Hòa Bình	KWh	1.817.309.776	36	65.423.151.936	897.930.827	66.321.082.763
3	Công ty CP Nước sạch Sông Đà	m3	24.159.242	52	1.256.280.603	17.242.414	1.273.523.017
4	Nhà máy thủy điện Nậm He	KWh	37.147.381	36	1.337.305.716	18.354.481	1.355.660.197
5	Nhà máy thủy điện Nậm Múc	KWh	125.000.000	36	4.500.000.000	61.762.367	4.561.762.367
6	Nhà máy thủy điện Trung Thu	KWh	100.810.147	36	3.629.165.292	49.810.186	3.678.975.478
7	Nhà máy thủy điện Long Tạo	KWh	112.475.000	36	4.049.100.000	55.573.778	4.104.673.778
8	Nhà máy nước huyện Mường Chà	m3	185.596	52	9.650.992	132.460	9.783.452
Tổng cộng					172.012.639.276	2.360.868.390	174.373.507.666